TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Công Núi.

2. Ông Dương Công Đắc .

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1981. Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi ở hiện nay: Số nhà 15/2 Mỹ Sơn 2, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020081001132, cấp ngày 08/4/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội – Bộ Công an. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đàm Văn H, sinh năm 1977. Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã Y, tỉnh Lạng Sơn. Nơi ở hiện nay: Số nhà 15/2 Mỹ Sơn 2, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020077011651, cấp ngày 09/5/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội – Bộ Công an. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị T và anh Đàm Văn H được tự do tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ cưới theo phong tục tập quán

của địa phương; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Y, tỉnh Lạng Sơn) vào năm 2015. Trong quá trình sinh sống hay vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm với nhau, xảy ra cãi vã, gia đình hai bên khuyên bảo, hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay không tìm được tiếng nói chung, không còn thấu hiểu, cảm thông cho nhau. Bà Ngô Thị Tuyết N thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Ngô Thị T yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Đàm Văn H.

Về con chung: Có 01 người con chung là Đàm Xuân L, sinh ngày 16/4/2016. Khi ly hôn, bà Ngô Thị Tuyết Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục người con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu ông Đàm Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ cho yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: Từ khi kết hôn đến nay, vợ chồng không có nhà ở riêng, sinh sống tại nhà trọ. Trong thời gian chung sống, chị Ngô Thị T là người trực tiếp thực hiện phần lớn việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con; là người vừa đi làm vừa đưa đón con đi học, chăm lo việc ăn uống, sinh hoạt hàng ngày. Hiện nay chị làm nghề thợ may, có nguồn thu nhập ổn định và đặc biệt chủ động được việc sắp xếp thời gian làm việc. Nơi ở rộng rãi, sạch sẽ, gần trường học của con nên thuận tiện cho việc học tập, đi lại và duy trì môi trường sống ổn định cho con. Từ lớp 1 đến lớp 4, cháu đều đạt học sinh xuất sắc, ngoan ngoãn, lễ phép, có ý thực học tập và rèn luyện tốt. Đây là kết quả phản ánh môi trường sống cùng mẹ ổn định và có sự quan tâm sát sao, chăm sóc, giáo dục tốt của người mẹ. Còn chồng chị là Đàm Văn H nghề nghiệp lao động tự do, công việc mang tính chất làm thuê, thu nhập không ổn định và không thường xuyên có mặt tại nhà.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Đàm Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đàm Văn H và bà Ngô Thị Tuyết tự D tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, sau đó được tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Y, tỉnh Lạng Sơn) vào năm 2015. Ban đầu vợ chồng chung sống với hạnh phúc. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, bà Ngô Thị Tuyết T1 bỏ nhà đi. Nay ông Đàm Văn H đồng ý ly hôn với bà Ngô Thị Tuyết .

Về con chung: Có 01 người con chung là Đàm Xuân L, sinh ngày 16/4/2016. Khi ly hôn ông Đàm Văn H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục người con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu bà Ngô Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Đàm Xuân L có ý kiến trình bày: Cháu sinh sống cùng mẹ từ nhỏ, hiện nay cháu sống tại số nhà A, M, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Hiện tại cháu chuẩn bị lên lớp 5 Trường tiểu học K, thành phố L. Sinh hoạt hàng ngày và đưa đón đi học đều do mẹ cháu. Trước đây bố Đàm Văn H làm việc tại H khoảng 1-2 tháng mới về một lần. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng sinh sống cùng mẹ cháu là

Ngô Thị T vì cháu được mẹ chăm sóc, yêu thương.

Tại công văn số 597/UBND-VP ngày 25/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Bà Ngô Thị T và ông Đàm Văn H tạm trú tại thành phố L, không sinh sống tại địa phương nên không được biết việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Bà Ngô Thị T và ông Đàm Văn H có một người con chung tên là Đàm Xuân L, sinh ngày 14/6/2016 hiện nay con đang sinh sống cùng bố mẹ tại phường Đ, thành phố L. Hiện nay mức chi phí tối thiểu để chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập, phát triển bình thường đối với độ tuổi cháu Đàm Xuân L từ 1.000.000 đồng-3.000.000đồng/tháng. Anh Đàm Xuân H1 có nghề nghiệp là lái xe, thu nhập khoảng 15.000.000đồng/tháng; đối với chị Ngô Thị T do không có mặt tại địa phương nên không xác minh được mức thu nhập.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án các đương sự đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Tuyết . Về con chung: Giao con chung là Đàm Xuân L, sinh ngày 16/4/2016 cho bà Ngô Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Đàm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn bà Ngô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đàm Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn D, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3- Lạng Sơn thụ lý giải quyết thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật và tại phiên tòa bà Ngô Thị T có

đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Đàm Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa bà Ngô Thị T và ông Đàm Văn H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã C, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Y, tỉnh Lạng Sơn) nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị T và ông Đàm Văn H là hợp pháp. Nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày quá trình chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn lại được dẫn đến vợ chồng không còn có tiếng nói chung, không còn tình cảm; ông Đàm Văn H cũng thừa nhận và đồng ý ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Ngô Thị T và ông Đàm Văn H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Ngô Thị T yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Đàm Văn H vắng mặt không lý do. Vì vậy, bà Ngô Thị T yêu cầu ly hôn với ông Đàm Văn H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có một người con chung là Đàm Xuân L, sinh ngày 16/4/2016. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung đang sinh sống từ nhỏ cùng mẹ là bà Ngô Thị T tại phường Đ, thành phố L. Quá trình giải quyết vụ án bà Ngô Thị T cung cấp tài liệu chứng cứ về công việc là thợ may có mức thu nhập 8.000.0000đ-12.000.000đ/tháng; tài liệu về kết quả học tập của con khi ở cùng với mẹ, được người mẹ chăm sóc; ngoài ra cháu Đàm Xuân L cũng có nguyện vọng sinh sống cùng mẹ; còn ông Đàm Văn H không cung cấp tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Đàm Xuân L cho bà Ngô Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà NgôThị T2 không yêu cầu ông Đàm Văn H cấp dưỡng nuôi con chung, do đó ông Đàm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà Ngô Thị T và ông Đàm Văn H trình bày là không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Ngô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ đi số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001275 ngày 05/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Ghi nhận bà Ngô Thị T đã nộp đủ.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Ngô Thị T được ly hôn với ông Đàm Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Đàm Xuân L, sinh ngày 16/4/2016 cho bà Ngô Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Đàm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Trường hợp cần thiết sau khi ly hôn hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Ngô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ đi số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001275 ngày 05/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Ghi nhận bà Ngô Thị T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Ngô Thị T, bị đơn ông Đàm Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 34, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3-Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3-Lạng Sơn;
- UBND xã Yên Phúc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Hiệt